

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 103/2024/DS-ST
Ngày: 29 - 7 - 2024
V/v T/C hợp đồng vay tài sản.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cái Thị Minh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Mai Trần Phúc

2- Ông Nguyễn Văn Vân

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hà là thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:** Bà Không Thị Thu - Kiểm sát viên;

Trong ngày 29 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 172/2024/TLST-DS, ngày 16 tháng 4 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2024/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 60/2024/QĐST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1984; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Bà Trương Ngọc G, sinh năm 1990 và ông Trần Văn N, sinh năm 1986; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Bà C có đơn xin vắng mặt, ông N, bà G vắng mặt không lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN :

* *Tại đơn khởi kiện ngày 12 tháng 4 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc C trình bày:*

Do quen biết cùng địa phương với nhau nên bà C có cho vợ chồng bà Trương Ngọc G và ông Trần Văn N vay tiền như sau:

- Ngày 20-4-2018 âm lịch vay 30.000.000 đồng, sau đó cho vay thêm 20.000.000 đồng, do bà G là người làm mướn cho nhà chị C, chỗ thân quen nên

không ghi giấy nợ mà các bên thống nhất sửa lại giấy vay 30.000.000 đồng thành 50.000.000 đồng. Giấy nợ là do bà G viết và vợ chồng bà cùng ký tên vào giấy nợ. Việc sửa lại giấy nợ thành 50.000.000 đồng có sự đồng ý của vợ chồng bà G. Khi vay thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, không thỏa thuận thời gian trả nợ. Chưa trả được đồng lãi nào, nợ cho đến nay.

Nay bà C yêu cầu vợ chồng ông N bà G trả số tiền nợ gốc là 50.000.000 (năm chục triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi.

** Theo bị đơn bà Trương Ngọc G trình bày.*

Bà và bà C là hàng xóm quen biết nhau. Năm 2018 bà có vay của bà C số tiền 50.000.000 (năm chục triệu) đồng, không nhớ ngày tháng. Sau đó có vay thêm 25.000.000 đồng không viết biên nhận nợ, tiếp theo vay thêm 40.000.000 đồng. Tổng số tiền vay là 115.000.000 (một trăm mười lăm triệu) đồng. Đã trả xong không còn nợ, trả vào cuối tháng 4 âm lịch năm 2022. Việc trả nợ cho bà C bằng cách, bà với bà C chơi chung 01 phần hụi 10.000.000 đồng mỗi tháng khui 01 lần. Hốt được 185.000.000 đồng, bà C nhận 94.000.000 đồng, phần bà G nhận 91.000.000 đồng. Số tiền này trả nợ cho bà C được 40.000.000 đồng tiền vốn và 24.000.000 đồng tiền lãi, còn nợ lại 75.000.000 đồng tiền vốn, khi trả nợ này có bà C1 chứng kiến việc trả nợ. Đến ngày 15-4-2022 hốt tiếp 01 phần hụi 5 triệu đồng được 77.000.000 đồng, trả 50.000.000 đồng và 5.000.000 đồng tiền lãi cho bà C, còn nợ lại tiền gốc 25.000.000 đồng đến cuối tháng 4 năm 2022 được ba ruột cho 40.000.000 đồng trả hết tiền vốn vay là 25.000.000 đồng và tiền lãi 1.700.0000 đồng trả tại nhà bà C, lần này có bà C1 chứng kiến việc trả nợ. Số tiền vay đã trả xong.

- Ông Trần Văn N không đến Toà, không có lời trình bày và vắng mặt không lý do.

Tại Toà vị Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong thời gian chuẩn bị xét xử theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng có căn cứ theo quy định của pháp luật về việc tổng đạt cho các đương sự cũng như xác định tư cách tham gia tố tụng và trình tự, thủ tục tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào Điều 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 147, 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; đề nghị HĐXX:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc C, buộc ông Trần Văn N và bà Trương Ngọc G có trách nhiệm liên đới trả số tiền vay là 50.000.000 (năm chục triệu) đồng. Ghi nhận bà C không yêu cầu tính lãi.

Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên Tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng: Các bên đương sự vắng mặt, bà C có đơn xin xét xử vắng mặt tại Tòa. Ông N và bà G vắng mặt không lý do, Tòa án tổng đạt, các văn bản tố tụng và đã được triệu tập hợp lệ hai lần cho ông N và bà G theo quy định nhưng ông, bà vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 238 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự là phù hợp.

[2] Về nội dung vụ án:

Bà Nguyễn Ngọc C khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn N và bà Trương Ngọc G trả số tiền 50.000.000 (năm chục triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi.

Hội đồng xét xử xét thấy: Khoản nợ vay giữa bà C với ông N và bà G thể hiện qua biên nhận nợ ngày 20-4-2018 là chứng cứ trong vụ án, bà G thừa nhận có vay của bà C số tiền 50.000.000 đồng do chính bà G viết giấy nợ và vợ chồng bà G ông N cùng ký vào giấy nợ, bà G đã hốt hui trả cho bà C xong nhưng bà G không cung cấp được chứng cứ cho việc ông, bà trả nợ cho bà C nên yêu cầu khởi kiện của bà C là có căn cứ chấp nhận.

Đối với lời trình bày của bà G bà cho rằng bà nợ bà C số tiền 115.000.000 đồng nhưng chỉ có viết giấy nợ của số tiền 50.000.000 đồng, những khoản vay khác không viết giấy nợ và bà cũng đã trả nợ cho bà C xong bằng việc hốt hui chơi chung với bà C để trả cho bà C nhưng bà không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho việc bà đã trả nợ cho bà C. Giấy nợ thể hiện bà và ông Trần Văn N cùng ký vào giấy nhận nên ông N và bà G cùng có trách nhiệm trả nợ cho bà C là phù hợp. Bà G thừa nhận có vay nợ bà C số tiền 115.000.000 đồng nhưng bà C chỉ thừa nhận cho bà G ông N vay số tiền 50.000.000 đồng còn các khoản khác là không có nên ghi nhận chỉ nợ 50.000.000 đồng.

Đối với ông N, Toà án đã tổng đạt các văn bản, thông báo thụ lý vụ án cho ông N, ông N nhận các văn bản của Toà nhưng không ký nhận, không đến Toà hoặc có nhà nhưng không nhận bất kỳ văn bản nào của Toà, ông N biết việc Toà án đã thụ lý vụ án trên và đã giao các văn bản mời ông lên Toà án làm việc nhưng ông N không đến toà là cố tình trốn tránh trách nhiệm và nghĩa vụ trả nợ cho bà C. Bà G trình bày vợ chồng bà có ký vào giấy nhận nợ 50.000.000 đồng ngày 20-4-2018 nhưng nay bà G và ông N đã ly hôn bà G nhận trả và giải quyết số tiền trên không liên quan đến ông N là không có căn cứ vì bà G không cung cấp cho Toà Quyết định giải quyết ly hôn giữa bà và ông N, không thể hiện phần nợ này giao cho bà G trả nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét. Theo hồ sơ thể hiện ông N có ký nhận vay nợ nhưng cố tình né tránh không lên Toà, không giải quyết việc nợ trên là không phù hợp.

Cần buộc ông N, bà G cùng có trách nhiệm trả cho bà C số tiền 50.000.000 đồng là có căn cứ. Ghi nhận bà C không yêu cầu tính lãi.

[3] Tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Ông N, bà G phải chịu án phí theo quy định. Bà C không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 147, 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc C về tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với ông Trần Văn N và bà Trương Ngọc G.

Buộc ông Trần Văn N và bà Trương Ngọc G cùng có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Ngọc C số tiền nợ vay là 50.000.000 (năm chục triệu) đồng. Ghi nhận bà C không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người bị thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng người bị thi hành án còn

phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Về án phí:

Ông Trần Văn N và bà Trương Ngọc G phải chịu 2.500.000 (hai triệu năm trăm ngàn) đồng án phí sơ thẩm dân sự.

Bà Nguyễn Ngọc C không phải chịu án phí sơ thẩm dân sự. Hoàn tiền tạm ứng án phí bà C đã nộp 1.250.000 (một triệu hai trăm năm chục ngàn) đồng tại biên lai thu số 0009119 ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Bà C được nhận lại số tiền trên.

Trường hợp, bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các bên đương sự biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát ND cùng cấp;
- THA Dân sự H.Châu Thành
- Tòa án tỉnh
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

(Đã ký)

Cái Thị Minh Tâm